

KẾ HOẠCH

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học,
trung học cơ sở công lập; chức danh nghề nghiệp thư viện viên
thuộc tỉnh Thanh Hóa năm 2020**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: Số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập; Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 165/TTr-SNV 23/3/2020; UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; chức danh nghề nghiệp thư viện viên (sau đây gọi tắt là viên chức) thuộc tỉnh Thanh Hóa năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thông qua việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020 để đánh giá, lựa chọn được đội ngũ giáo viên, viên chức (sau đây gọi chung là viên chức) đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của chức danh hạng II, hạng III. Qua đó, cơ quan có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp theo quy định và có kế hoạch quản lý, sử dụng và thực hiện các quyền lợi đối với đội ngũ viên chức;

- Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; bảo đảm bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

- Viên chức phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

II. ĐỐI TƯỢNG

Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; chức danh nghề nghiệp thư viện viên thuộc tỉnh Thanh Hóa năm 2020, gồm các đối tượng:

- Giáo viên mầm non hạng IV lên hạng III;

- Giáo viên mầm non hạng III lên hạng II;

- Giáo viên tiểu học hạng IV lên hạng III;

- Giáo viên tiểu học hạng III lên hạng II;

- Giáo viên trung học cơ sở hạng III lên hạng II;

- Viên chức hiện công tác tại các cơ sở giáo dục và đơn vị sự nghiệp công lập giữ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV lên hạng III.

III. NGUYÊN TẮC CỬ VIÊN CHỨC DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập) cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải dựa trên các nguyên tắc sau:

1. Việc cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các đơn vị sự nghiệp công lập và tình hình thực tế của địa phương.

2. Viên chức được tham dự xét thăng hạng chỉ được xét từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

3. Viên chức dự xét thăng hạng phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng viên chức về năng lực của viên chức đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.

IV. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN

Viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở:

1.1. Đơn vị sự nghiệp có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

1.2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm đăng ký xét thăng hạng; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

1.3. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét, theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

2. Đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên:

2.1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV;

2.2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ thăng hạng; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

2.3. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày

19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, HỒ SƠ, CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Nội dung và hình thức xét thăng hạng

1.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học

a) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

b) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

- Hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch, việc sát hạch được thực hiện thông qua các hình thức làm bài khảo sát hoặc phỏng vấn (Hội đồng sẽ quyết định, thông báo hình thức sát hạch sau). Hồ sơ không đạt 100 điểm không được tham gia sát hạch, không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Bài khảo sát được thực hiện thông qua làm bài viết hoặc trắc nghiệm; thời lượng làm bài khảo sát không quá 45 phút; nội dung khảo sát liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

- Phỏng vấn: Việc phỏng vấn được thực hiện trực tiếp đối với từng người; thời lượng phỏng vấn 01 (một) người không quá 15 (mười lăm) phút; nội dung phỏng vấn liên quan đến nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

1.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên hạng III lên giáo viên hạng II: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.

1.3. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên từ hạng IV lên hạng III.

Nội dung: xem xét, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp thư viện viên.

Hình thức: Thẩm định hồ sơ dự xét theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức thư viện viên hạng III

2. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Mỗi viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải làm 02 bộ hồ sơ và xếp theo thứ tự như sau:

Thành phần hồ sơ theo điều kiện, tiêu chuẩn hạng, bao gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo mẫu (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV);

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 của Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý; trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức hằng năm của 03 năm gần nhất (năm 2017, 2018, 2019) đối với giáo viên và 01 năm (2019) đối với thư viện viên;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao Quyết định tuyển dụng viên chức/hợp đồng làm việc không xác định thời hạn được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao Quyết định lương hiện hưởng;

- Các minh chứng theo tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của hạng chức danh đăng ký dự xét thăng hạng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; minh chứng các trường hợp có điểm cộng thêm (*theo hướng dẫn tại phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Cơ quan, đơn vị của viên chức dự xét thăng hạng và viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thuộc tỉnh Thanh Hóa năm 2020 phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Mọi gian dối, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự xét thăng hạng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

3.1. Đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở:

3.1.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

3.1.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

(*Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

3.1.3. Điểm tăng thêm

Điểm tăng thêm là tổng điểm tăng thêm của hai nhóm tiêu chuẩn, tiêu chí.

Trong mỗi nhóm tiêu chuẩn, tiêu chí chỉ tính điểm tăng thêm cho một tiêu chuẩn, tiêu chí mà mình chứng có giá trị cao nhất.

Điểm tăng thêm đối với mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí không quá 05 điểm, cụ thể như sau:

a) Điểm tăng thêm tính vào nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Người có trình độ đào tạo chuyên môn cao hơn so với quy định của hạng (cộng 3 điểm)

+ Người có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (cộng 2 điểm);

b) Điểm tăng thêm tính vào điểm của nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Có thành tích được tặng Bằng khen từ cấp tỉnh, cấp Bộ trở lên (cộng 2 điểm);

+ Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng (cộng 2 điểm);

+ Giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh (cộng 1 điểm), giáo viên có học sinh đoạt giải cấp quốc gia (cộng 2 điểm) trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức);

+ Giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương và quốc tế (cộng tương ứng 1; 2; 3 điểm);

+ Giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương và quốc tế (cộng tương ứng 2; 3; 4 điểm).

c) Đối với những trường hợp giáo viên được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

d) Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học:

Giáo viên có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ tính đến ngày 31/12/2020 được miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học; trường hợp có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

Lưu ý: Việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-

BGDĐT quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên.

3.1.4. Cách tính điểm sát hạch

a) Điểm sát hạch được chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

b) Hội đồng sơ tuyển quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung sát hạch.

3.2. Đối với chức danh nghề nghiệp thư viện viên

3.2.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100.

3.2.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của viên chức ở hạng đề nghị xét: 05 điểm; chi tiết như sau:

a1) Thực hiện một số quy trình trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện, cụ thể: thu thập, kiểm kê, thanh lọc tài liệu; xử lý hình thức, nội dung tài liệu có nội dung về những kiến thức cơ bản, phổ cập; quản lý hệ thống tra cứu mục lục truyền thống; tổ chức và bảo quản tài liệu; phục vụ tài liệu gốc; tra cứu thông tin, tìm tài liệu theo yêu cầu của người sử dụng; hướng dẫn sử dụng, khai thác các sản phẩm, dịch vụ thư viện; biên soạn ấn phẩm thông tin - thư viện ở hình thức thư mục để giới thiệu, thông báo tài liệu mới bổ sung, tài liệu theo chuyên đề; tập hợp các bài trích báo, tạp chí; trưng bày, triển lãm tài liệu; lấy ý kiến của công chúng về hoạt động, dịch vụ của thư viện; thống kê thư viện; (2 điểm)

a2) Tham gia xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của thư viện; xây dựng kế hoạch hàng năm về nhiệm vụ chuyên môn đang đảm nhiệm và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; (1 điểm)

a3) Tham gia các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh trong lĩnh vực thư viện; (1 điểm)

a4) Tham gia tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho thư viện viên hạng IV. (1 điểm)

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

b1) Tốt nghiệp đại học về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp; (10 điểm)

b2) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; (05 điểm)

b3) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm

2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. (05 điểm)

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

c1) Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành về công tác thư viện; (25 điểm)

c2) Nắm vững các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và lĩnh vực chuyên môn được phân công; (25 điểm)

c3) Biết được các ứng dụng của công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện và các kỹ năng tin học khác trong hoạt động chuyên môn được phân công. (25 điểm)

5. Cách xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp

5.1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

5.1.1. Đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở:

a) Phải đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

b) Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục 3.2 phần IV Kế hoạch này.

c) Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt điểm tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c mục 3.2 phần IV Kế hoạch này và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm).

5.1.2. Đối với chức danh nghề nghiệp thư viện viên:

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên từ hạng IV lên hạng III phải có đủ hồ sơ theo quy định và kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ đạt từ 50 điểm trở lên.

5.2. Viên chức không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định khoản 5.1 mục này không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ:

- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng, Đoàn Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; chức danh nghề nghiệp thư viện viên thuộc tỉnh Thanh Hóa năm 2020.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn lập dự toán, thu phí, thanh quyết toán kinh phí tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

3. Hội đồng xét thăng hạng

- Thành lập Ban giúp việc, Ban thẩm định kết quả chấm hồ sơ xét thăng hạng theo quy định.

- Thu lệ phí xét thăng hạng của thí sinh đăng ký dự xét theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Tổng hợp kết quả, báo cáo cấp có thẩm quyền công nhận kết quả xét thăng hạng theo quy định.

4. Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức quán triệt Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập; chức danh nghề nghiệp thư viện viên năm 2020 của UBND tỉnh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ngành giáo dục và đào tạo thuộc huyện, Quyết định thành lập Hội đồng sơ tuyển xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II; chức danh nghề nghiệp thư viện viên từ hạng IV lên hạng III.

- *Hội đồng sơ tuyển của UBND huyện, thị xã, thành phố có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:*

+ Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo - UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Các ủy viên Hội đồng là lãnh đạo và chuyên viên phòng Thanh tra, phòng Nội vụ, phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

- *Nhiệm vụ của Hội đồng sơ tuyển:*

+ Xác định số lượng (chỉ tiêu) viên chức cử đăng ký dự xét theo từng cấp học thực hiện đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều 11, Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ và Đề án vị trí việc làm của cơ sở giáo dục để xác định số lượng giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng các chức danh nghề nghiệp;

+ Thông báo Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020 của UBND tỉnh trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình); đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có), niêm yết công khai tại trụ sở làm việc và tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trước 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ xét thăng hạng;

+ Tiếp nhận hồ sơ viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020 do Hiệu trưởng các trường học gửi đến;

- + Thành lập bộ phận chấm điểm xét thăng hạng theo thang điểm quy định;
- + Tổ chức sát hạch đối với Giáo viên mầm non, tiểu học hạng III dự xét thăng lên hạng II khi điểm hồ sơ đạt 100 điểm;
- + Sau khi sơ tuyển, chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng theo thang điểm quy định, lập danh sách thí sinh đủ điều kiện kèm theo hồ sơ gửi Hội đồng xét thăng hạng theo đúng quy định;
- + Phải chịu trách nhiệm về tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được đề nghị thăng hạng và phải trực tiếp giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về viên chức của cơ sở giáo dục đề nghị thăng hạng. Khi cơ quan quản lý Nhà nước về viên chức kiểm tra phát hiện những trường hợp sơ tuyển và đề nghị thăng hạng không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện và trái thẩm quyền sẽ đề nghị cấp có thẩm quyền hủy quyết định đã ban hành.

4. Lộ trình thực hiện

4.1. Giám đốc các sở; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức sơ tuyển và cử viên chức dự xét thăng hạng, thời gian thực hiện quý II/2020.

4.2. Giám đốc các sở; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố có văn bản đề nghị và nộp hồ sơ, danh sách viên chức đăng ký dự xét thăng hạng về Sở Nội vụ, thời gian thực hiện quý III/2020.

4.3. Tổ chức xét thăng hạng và công bố kết quả xét thăng hạng, thời gian thực hiện: Quý IV/2020.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chức danh nghề nghiệp thư viện viên tỉnh Thanh Hóa năm 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền